TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2020/KDTM-ST
Ngày: 16/03/2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 03 năm 2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2020/TLST-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-KDTM ngày 07/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-KDTM ngày 27/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn K**; Địa chỉ: đường V, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hoài H – sinh năm 1983, theo văn bản ủy quyền ngày 10/6/2019. (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn phân phối M**; Địa chỉ: đường T, Phường N, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lại Vũ Thế P – Chức vụ: Giám đốc. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 07/12/2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn K (sau đây gọi tắt là Công ty K hoặc nguyên đơn) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn phân phối M (sau đây gọi tắt là Công ty M hoặc bị đơn) đã cùng nhau ký Hợp đồng kinh tế số 12.2017/HĐKT/PK-NSD về việc mua bán các thiết bị ngành điện như công tắc, ổ cắm điện và thiết bị khác. Theo đại diện nguyên đơn trình bày, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thanh toán đủ tiền hàng cho nguyên đơn. Sau đó, bị đơn có xác nhận công nợ và cam kết trả số nợ là 99.271.132 đồng cho nguyên đơn trước ngày 10/05/2019. Tuy nhiên, đến nay phía bị đơn chưa thanh toán bất cứ khoản tiền nào. Mặc dù nguyên đơn đã gửi văn bản nhắc nhưng bị đơn chỉ hẹn trả nhiều lần chứ không thực hiện theo như cam kết gây ảnh hưởng tới quyền lợi của phía nguyên đơn.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền là 111.271.132 đồng (Một trăm mười một triệu hai trăm bảy mươi mốt ngàn một trăm ba mươi hai đồng) bao gồm số tiền hàng còn nợ trị giá là 99.271.132 đồng, khoản tiền phạt vi phạm Hợp đồng do chậm thanh toán từ ngày 10/5/2019 là 7.000.000 và tiền bồi thường thiệt hại là tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 10/5/2019 làm tròn là 5.000.000 đồng.

Bị đơn - công ty M có văn bản ghi ý kiến xác định số tiền còn thiếu theo Hợp đồng kinh tế số 12.2017/HĐKT/PK-NSD ngày 07/12/2017 và có ký giấy xác nhận nợ với nguyên đơn. Do tình hình kinh doanh gặp khó khăn dẫn đến thiếu hụt vốn nên đề nghị nguyên đơn hỗ trợ giãn thời gian trả nợ hoặc bị đơn sẽ cấn trừ bằng cách thực hiện các hợp đồng khác thay thế. Bị đơn nêu rõ không có ý định chiếm dụng vốn, trì hoãn nghĩa vụ thanh toán và nếu nguyên đơn không đồng ý thực hiện hợp đồng mới thì bị đơn đưa ra thời điểm thanh toán dứt điểm khoản công nợ đối với nguyên đơn là cuối tháng 10 năm 2019.

Tại phiên toà,

Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ còn thiếu là 111.271.132 đồng.

Bị đơn vắng mặt không có lý do nên không rõ ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Công ty K cùng Công ty M có ký hợp đồng mua bán thiết bị điện và đều có mục đích lợi nhuận; do Công ty M chậm thanh toán trong hợp đồng nên Công ty K khởi kiện yêu cầu thanh toán công nợ. Đây là quan hệ pháp luật kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hoá quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Công ty M có đăng ký trụ sở hoạt động tại quận X nên Toà án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 3701833439 (đăng ký lần đầu ngày 09/02/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 24/4/2017) và Giấy uỷ quyền ngày 10/6/2019 được chứng thực tại Văn phòng Công chứng W thì ông Phạm Hoài H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng. Việc uỷ quyền của đương sự là phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0309979616 đăng ký lần đầu ngày 08/5/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/10/2017 thì người đại diện theo pháp luật của Công ty M là ông Lại Vũ Thế P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên và trụ sở chính đăng ký tại địa chỉ đường T, Phường N, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập bị đơn lên tòa để tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là 99.271.132 đồng:

Theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng kinh tế số 12.2017/HĐKT/PK-NSD ngày 07/12/2017 và bảng đối chiếu công nợ giữa nguyên đơn và bị đơn thì đến ngày 03/4/2019 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 99.271.132 đồng. Bị đơn thừa nhận số tiền còn thiếu nói trên và cam kết sẽ hoàn tất công nợ trước ngày 10/5/2019 nhưng không thực hiện đúng cam kết. Căn cứ theo thỏa thuận thanh toán tại hợp đồng và Điều 183 của Luật Thương mại năm 2005 bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng còn thiếu là 99.271.132 đồng.

[4] Về yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000 đồng là tiền lãi chậm thanh toán trên số nợ gốc tính từ ngày 10/5/2019:

Căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại năm 2005, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng là 10.2%/năm hay 0.85 %/tháng (Mức lãi suất do Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam công bố là 6.8%/năm, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam công bố là 6.8%/năm, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam công bố là 6.8%/năm).

Về thời điểm tính lãi, theo biên bản đối chiếu công nợ, bị đơn cam kết sẽ trả hết nợ trước ngày 10/5/2019. Tuy nhiên, bị đơn không thực hiện được theo như cam kết nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi bắt đầu từ ngày 10/5/2019 đến ngày xét xử vụ án 16/3/2020 là có cơ sở. Số tiền lãi được tính như sau:

99.271.132 đồng x 0.85% x 10 tháng 11 ngày = 8.438.046 đồng.

Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 5.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu bị đơn trả tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán 7.000.000 đồng, xét thấy:

Tại Điều VII Hợp đồng kinh tế mà các bên đã giao kết có quy định: *"Trong trường hợp bên A thanh toán trễ hạn sẽ chịu phạt 0.2% giá trị thanh toán trễ trên số ngày trễ hạn, tổng giá trị phạt trễ hạn không quá 5% giá trị của Hợp đồng"*. Như đã phân tích ở trên, số ngày thanh toán trễ hạn tính từ ngày 10/5/2019 đến ngày xét xử vụ án 16/3/2020 là 311 ngày. Số tiền phạt theo hợp đồng là:

99.721.132 x 0.2% x 311 ngày = 61.746.644 đồng

Tuy nhiên số tiền phạt không được vượt quá 5% giá trị hợp đồng là 37.553.588 đồng. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền phạt là 7.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

[6] Về thời hạn thanh toán: Thời gian xác nhận công nợ đã lâu, bị đơn không trả nợ gây thiệt hại cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu trả số tiền còn thiếu ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty K số tiền 111.271.132 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, án phí là 4.963.557 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 207, Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 179, Điều 183 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn K:*

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn phân phối M thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K số tiền 111.271.132 *(Bằng chữ: Một trăm mười một triệu, hai trăm bảy mươi mốt ngàn, một trăm ba mươi hai)* đồng, bao gồm: 99.271.132 đồng nợ gốc, 7.000.000 đồng tiền phạt do chậm thanh toán và 5.000.000 đồng tiền lãi, để chấm dứt nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 12.2017/HĐKT/PK-NSD ngày 07/12/2017.

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn phân phối M chậm thanh toán thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn K có quyền yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2.*Về án phí:*

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 4.963.557 *(Bốn triệu, chín trăm sáu mươi ba ngàn, năm trăm năm mươi bảy)* đồng do Công ty Trách nhiệm hữu hạn phân phối M chịu.

Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 2.781.780 *(Hai triệu, bảy trăm tám mươi mốt ngàn, bảy trăm tám mươi)*

đồng đã nộp theo biên lai thu số 0038620 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. *Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Hiếu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nguyễn Thị Liên Hương *Nguyễn Thị Lương*

Bành Kim Phượng